TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:101/2022/DS-PT
Ngày: 22- 6-2022
V/v:*Tranh chấp về giao dịch dân sự(Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu - Đòi tài sản)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Mộng Linh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:* Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022; về việc *"Tranh chấp về giao dịch dân sự; Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu - Đòi tài sản"*;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:14/2022/DS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2022, của Toà án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo; kháng nghị

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1976

Cư trú: phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Chí L: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984, cư trú số: phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 17/5/2021 do Văn phòng công chứng Huỳnh Minh H công chứng số 481, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Chí L: Luật sư Đỗ Hồng Thụy V - Công ty luật TNHH MTV Đỗ thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang; (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1.Bà Nguyễn Tường V, sinh năm 1981 (có mặt)

Cư trú: phường BĐ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2.2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Cư trú: phường MH, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Tường V và kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Ông Nguyễn Lưu Q là người đại diện theo ủy quyềncủa nguyên đơn trình bày:Ông Nguyễn Chí L quen biết với ông Nguyễn Văn H (lúc đó đang làm việc tại Công an tỉnh An Giang) nên vào cuối năm 2018 ông L có gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H để nhờ hỏi vay tiền giúp.

- Ngày 21/11/2018, ông L gửi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồng, ngày 22/11/2018 ông H nhận được giấy đất của ông L giao nhưng ông H trả lời người cho vay tiền không có ở nhà nên chưa gặp được. Vài ngày sau ông L không có nhu cầu vay tiền nữa nên gọi điện yêu cầu ông H trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L nhưng ông H trả lời ông đang làm nhiệm vụ trực nên chưa gửi giấy đất lại được, ông L điện thoại nhiều lần yêu cầu ông H trả lại giấy đất nhưng ông H chỉ hứa sau khi trực xong ông sẽ trả lại.

- Ông Nguyễn Chí L có nhờ người quen là ông Lê Hoàng Quốc V (tên thường gọi là N) tìm nhà của ông H để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết ông H đã dọn nhà đi nơi khác và ông L không thể liên lạc được với ông H;

- Ngày 16/3/2020, ông L làm tờ cớ mất giấy đất thủ tục tại phường đã hoàn thành và hồ sơ chuyển đến Phòng một cửa của thành phố, Văn phòng Đăng ký đất chi nhánh LX. Đến ngày hẹn nhận kết quả thì cán bộ tại phòng một cửa trả lại hồ sơ cho ông L vì có đơn ngăn chặn, lý do nội dung không cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì giấy đất do bà Nguyễn Tường V đang giữ và bà V có đơn ngăn chặn việc xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L.

- Ông Nguyễn Chí L đã liên hệ trực tiếp với bà V và được biết ông H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L cho bà V với giá 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Bà V có chuyển cho ông L ảnh giấy biên nhận tiền có chữ ký của ông H ngày 24/11/2018. Ông L đã yêu cầu bà V trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L nhưng bà V yêu cầu ông L trả 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) thì bà V mới đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L.

Nay, ông Nguyễn Chí L yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Tuyên bố Hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/11/2018 giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Tường V là vô hiệu.

+ Buộc bà Nguyễn Tường V trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03260, số phát hành: CN 064637, thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 64,9 m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/7/2018

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Tường V vắng mặt không có ý kiến trình bày*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Toà án nhân dân thành phố LX đã xử:

Căn cứ Điều 129, Điều 130, Điều 133, Điều 142, Điều 166, Điều 192, Điều 194, Điều 195, Điều 582Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 90, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 186, Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228,Điều 232, khoản 2 Điều 246, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

+ Điều 167, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

+ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí L đối với bị đơn bà Nguyễn Tường V, ông NguyễnVăn H:

- Tuyên bố Hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CN 064637, diện tích 64,9 m^2, loại đất ở đô thị, mang tên Nguyễn Chí L, vị trí khu đất tọa lạc tại phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Biên nhận ngày 24/11/2018 giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Tường V là vô hiệu.

- Buộc bà Nguyễn Tường V có trách nhiệm trả lại bản chính 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cấp GCN: CS03260, số phát hành: CN 064637, thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 64,9 m^2, loại đất ở tại đô thị do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/7/2018 cho ông Nguyễn Chí L.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/02/2022,bị đơn bà Nguyễn Tường V kháng cáo toàn bộ bản án, vì bản án không đảm bảo quyền lợi cho bà;

Tại Quyết định kháng nghị số 22/QĐ-VKS-DS ngày 10/02/2022, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm; trả hồ sơ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Diễn biến tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà V giữ nguyên nội dung kháng cáovà xác định bà V đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L; cam kết chưa cầm cố hay thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai cả;

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX kháng nghị theo hướng hủy bản án sơ thẩm; trả hồ sơ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn bà V yêu cầu xem xét quyền lợi của bà trong vụ án này, mong muốn được đối chất trực tiếp với ông H, ông L, nên thống nhất theo nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát;

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Sau khi ông L có giao giấy đất cho ông H thì có nói nếu tìm được người cho vay thì ông L sẽ lại ký giấy vay tiền; sau đó không vay được thì ông L nhiều lần liên hệ với ông H để yêu cầu trả lại giấy đất, nhưng ông H lánh mặt; ông L làm tờ có mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ), để làm lại thủ tục cấp giấy; nhưng bị bà V ngăn chặn cho rằng ông H có vay tiền của bà V số tiền 500.000.000đ và thế chấp giấy đất mang tên ông L cho bà V; bà V thừa nhận hiện đang giữ giấy chứng nhận QSDĐ của ông L; tại biên nhận ngày 24/11/2018 thể hiện ông H vay tiền của bà V 500.000.000đ; và có thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông L, mà không có sự ủy quyền của ông L; hợp đồng thế chấp không được công chứng chứng thực là không đúng pháp luật; nên việc bà V giữ giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông L là không hợp pháp; việc ông L khởi kiện đòi lại giấy chứng nhận QSDĐ là có căn cứ;

Về địa chỉ của ông H thì đã thể hiện rõ trên Bưu chính về nơi gửi địa chỉ của ông Hồng, do bà V cung cấp; căn cứ Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn đã ghi rõ, đúng địa chỉ của bị đơn ông H; căn cứ vào văn bản của Tòa án tối cao hướng dẫn thì trường hợp này ông H cố tình giấu địa chỉ; nên cấp sơ thẩm niêm yết xét xử vắng mặt là đúng tố tụng;

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố LX;

Tranh luận:

Bà V ý kiến: Nếu nói ông L khi nào giao dịch vay tiền được mới lại ký tên, thì tại sao không đưa bản photo giấy đất cho ông H mà phải đưa bản chính cho ông Hồng; do bà V tin tưởng ông H nên mới cho vay; sau khi xảy ra sự việc, phía bên ông L có liên hệ với bà, để thương lượng đưa 200.000.000đ lấy lại giấy đất, nhưng bà V yêu cầu phải trả đủ 500.000.000đ thì mới trả lại giấy đất cho ông L;

Viện kiểm sát: Về địa chỉ trên bìa thư giữa ông H và ông L không phải là giao dịch dân sự và không chứng minh bên trong có chứa đựng cái gì; Nghị quyết 04/2017 và Công văn 02 của Tòa án nhân dân tối cao nêu rõ nguyên đơn và bị đơn có giao dịch dân sự; biên bản xác minh ông H đã bỏ địa phương từ tháng 10/2020 trước khi thụ lý vụ án; đây không thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, mà thay đổi nơi ở mới, việc xét xử vắng mặt ông H chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự;

Luật sư: Địa chỉ trên bưu chính gửi đi là do phía bà V cung cấp chứ không phải ông L; việc nhận cầm cố thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ của ông L, không phải tài sản của ông H, nhưng ông L không có ý kiến là vi phạm pháp luật;

Viện kiểm sát: Việc xem xét đánh giá chứng cứ, tài liệu qua Zalo photo của cấp sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật; mà phải theo quy trình do luật quy định;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Qua tranh luận tại phiên tòa, vẫn giữ nguyên nội dungtranh luận và nội dung kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX; cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng như: thu thập chứng cứ chưa đảm bảo theo Bộ luật tố tụng dân sự; giữa ông H, ông L không có văn bản giao dịch dân sự; không xác định được địa chỉ mới của ông H; nên việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H là chưa đảm bảo quyền lợi của ông H; ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bà V; căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà V nộp đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định;thủ tục kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố LX hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Ông H được triệu tập hợp lệnhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà V và Quyết định kháng nhị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX thì thấy;

[3.1] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn trình bày, giữa ông L và ông H do có quen biết nên ngày 21/11/2018 ông L có gửi Giấy chứng nhận QSDĐ cho ông H để nhờ hỏi vay tiền giúp cho ông Linh, ngày 22/11/2018 ông H nhận được giấy đất của ông L gửi nhưng ông H không thực hiện đúng như thỏa thuận vay tiền giúp, khi

ông L điện thoại thì ông H viện nhiều lý do để hứa hẹn nhưng ông H vẫn không thực hiện; ông L yêu cầu hoàn trả lại giấy chứng nhận QSDĐ thì ông H vẫn không giao trả; ngày 16/3/2020, ông L làm tờ cớ mất giấy chứng nhận QSDĐ; ông L thực hiện trình tự thủ tục cấp giấy lại theo quy định của Luật đất đai; hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh LX thì trả lại cho ông Linh,lý do bà Nguyễn Tường V khiếu nại và gửi đơn ngăn chặn việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản nhì cho ông L.

[3.2] Bà V có photo cung cấp giấy biên nhận vay tiền ngày 24/11/2018 thể hiện, giữa ông Nguyễn Văn H với bà Nguyễn Tường V thỏa thuận vay số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), kèm theo nội dung có thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ số CS03260, số phát hành: CN 064637, thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 64,9 m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/7/2018 cấp cho ông Nguyễn Chí L;

[3.3] Ông L xác định việc ông H tự đem giấy chứng nhậnQSDĐ số CS03260, số phát hành: CN 064637, thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 64,9m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/7/2018; để thế chấp cho bà V trong khi chưa có ý kiến của ông Linh; không có văn bản Ủy quyền; nên ông L không biết được thỏa thuận vay tiền giữa hai bên; khi ông không liên lạc được với ông H và nhờ người tìm ông H không được; ông L mới thực hiện việc báo mất làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận QSDĐ. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc ông H tự đem giấy chứng nhận QSDĐ của ông L thế chấp cho bà V để vay số tiền 500.000.000đ; khi chưa được ông L lập văn bản ủy quyền thực hiện việc thế chấp giấy đất là không đúng pháp luật; do đó, giao dịch thế chấp này vi phạm pháp luật nên vô hiệu ngay từ đầu;

[3.4] Bà V thực hiện giao dịch vay tiền, có thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ của ông Linh, nhưng không có chứng cứ, chứng minh thể hiện ông L có tham gia vào việc vay tiền, việc thỏa thuận vay tiền chỉ có bà V và ông H. Vì vậy, việc ghi giấy biên nhận vay tiền giữa bà Nguyễn Tường V và ông Nguyễn Văn H chỉ có hiệu lực một phần đối với số tiền vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*); trong quá trình làm việc tại tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông H, bà V đều vắng mặt; do đó, nếu sau này bà V có phát sinh tranh chấp liên quan đến vay tiền với ông H thì được giải quyết bằng một vụ án khác,

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V thừa nhận hiện đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Chí L, do ông H đưa cho bà lúc vay tiền; có căn cứ xác định bà V hiện đang giữ bản chính của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, do hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị vô hiệu nên bà V phải có nghĩa vụ hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cấp GCN: CS03260, số phát hành: CN 064637, thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 64,9 m^2, loại đất ở tại đô thị do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/7/2018 cho ông Nguyễn Chí L;

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng việc xét xử vắng mặt bị đơn ông H là chưa đảm bảo quyền lợi, do không thuộc trường hợp ông H cố tình giấu địa chỉ; xét thấy, mặt dù giữa ông L và ông H không có giao dịch dân sự trực tiếp với nhau; nhưng qua địa chỉ ông L cung cấp và bà V cung cấp biên nhận vay ngày 28/11/2018, đã thể hiện rõ địa chỉ của ông H ở Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX; biên bản xác minh tại địa phương, xác định trước đó ông H có đăng ký hộ khẩu thường trú ở số 71, Tây Khánh 5, phường MH, thành phố LX; từ tháng 10/2020, ông H mới cắt hộ khẩu chuyển đi nơi khác; tại phiên tòa bà Vi, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định nhiều lần tìm cách liên hệ với ông H nhưng không được; bà V cũng liên lạc nhiều lần với ông H cũng không được. Do đó, việc ông H thay đổi nơi ở mới mà không thông tin cho ông Linh, bà V biết là nhằm trốn trách nghĩa vụ trả nợ cho bà V và trả giấy chứng nhận QSDĐ cho ông L;

Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 để xác định ông H cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn là có cơ sở; mặt khác dù xét xử vắng mặt ông Hồng, nhưng trong quyết định của án sơ thẩm cũng không ảnh hường gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông ; nếu sau này ông H, bà V và ông L có tranh chấp liên quan đến số tiền vay theo biên nhận ngày 28/11/2018; sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác;

Do đó, Quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hủy án sơ thẩm là không cần thiết; Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bà V;

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà V không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Tường V;

Không chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số:14/2022/DS-ST ngày 26/01/2022 của Toà án nhân dân thành phố LX;

[1] Tuyên bố Hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: CN 064637, diện tích 64,9 m^2, loại đất ở đô thị, mang tên Nguyễn Chí L, vị trí khu đất tọa lạc tại phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang theo Biên nhận ngày 24/11/2018 giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Tường V là vô hiệu.

[2] Buộc bà Nguyễn Tường V có trách nhiệm trả lại bản chính 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số cấp GCN: CS03260, số phát hành: CN 064637, thửa đất số 84, tờ bản đồ số 23, diện tích 64,9 m^2, loại đất ở tại đô thị do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 16/7/2018 cho ông Nguyễn Chí L;

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Chí L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000407 ngày 13/5/2021 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX;

Bà Nguyễn Tường V, ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm liên đới nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Tường V phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000955 ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX;

[5] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND TP-LX (1)
- THA TP-LX (1).
- Toà Dân sự (2)

- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự " Để thi hành"
- *Lưu: HS.*

Nguyễn Văn Sơn